TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:**297**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 29/10/2021 V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Nguyên Lâm.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Quốc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-DS ngày 12/10/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **PTTO**, sinh năm 1986.

Trú tại: P2605, CC, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

+ Bị đơn: Anh **NAP**, sinh năm 1973.

Trú tại: P2605, CC, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTTO và anh NAP, sinh năm 1973; Trú tại: P2605, đơn nguyên 1, T2 toà Thăng Long Victory, xã K, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội Đ ký kết hôn ngày 23/7/2018 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường hay xung đột dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẻ, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã ly thân. Nay, chị O xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

2. Về con chung: Chị O và anhPcó 01 (Một) con chung là cháu NguyễnPHải Đ, sinh ngày 24/7/2018. Hiện nay, cháu Đ đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng con chung vì cháu còn rất bé và yêu cầu anhPphải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về điều kiện nuôi con, hiện chị O được bà Hlà cô ruột cho ở lâu dài tại căn nhà diện tích 40 m2 tại Khu tái định cư xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

Chị O đang làm tại Trung tâm dịch vụ nội dung số MobiFone thuộc Tổng công ty Viễn thông MobiFone mức thu nhập ổn định là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng 1 tháng).

3. Về tài sản chung, nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: AnhPthừa nhận về việc kết hôn mà chị O trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay, chị O xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị O và anhPcó 01 (Một) con chung là cháu NguyễnPHải Đ, sinh ngày 24/7/2018. AnhPcó yêu cầu xin nuôi con chung và

không yêu cầu chị O cấp dưỡng. Nếu giả thiết chị O nuôi con chung thì anh đồng ý mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

3. Về tài sản chung, nợ: AnhPkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh UBND xã Kcung cấp:

Chị PTTO, sinh năm 1986 và anh NAP, sinh năm 1973, Trú tại: P2605, CC, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có kết hôn và về toà nhà Thăng Long Victory, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội chung sống. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn cụ thể như nào thì UBND xã không nắm được.

Nay, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên.

***Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTTO, xử cho chị PTTO được ly hôn anh NAP.

Về con chung: Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập các bên đương sự, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung xét cháu Đ mới 39 tháng tuổi, còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, anhPcũng đề nghị được nuôi con, tuy nhiên anhPthừa nhận tại phiên tòa việc anh làm nghề kỹ sư xây dựng, có lúc phải đi công trình, sau ly hôn anhPsẽ ở một mình; Do đó, để đảm bảo

quyền lợi tối đa cho cháu Đ sau khi ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận hai bên thỏa thuận, anhPcấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Ghi nhận các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình"*. Các đương sự đều cư trú tại xã K, huyện Hoài Đức, căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTTO và anh NAP Đ ký kết hôn ngày 23/7/2018 trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa chị O và anhPlà hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị O và anhPtrong thời gian chung sống đã có những mâu thuẫn, hai bên không có tiếng nói chung, chị O và anhPđã sống ly thân.

Quá trình hòa giải, anhPkhông có mặt tại Tòa án để hòa giải. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị O và anhPđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anhPthừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị O xin ly hôn, anh đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị O và anhPlà phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị O và anhPcó 01 (Một) con chung là cháu NguyễnPHải Đ, sinh ngày 24/7/2018. Hiện tại, cháu đang ở với mẹ là chị O. Chị O và anhPđều có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung của anhPvà chị O:

Hiện, chị O được bà Hlà cô ruột cho ở lâu dài tại căn nhà diện tích 40 m2 tại Khu tái định cư xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Chị O đang làm tại Trung tâm dịch vụ nội dung số MobiFone thuộc Tổng công ty Viễn thông MobiFone mức thu nhập 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng/tháng).

AnhPhiện là kỹ sư, có nhà riêng, tuy nhiên, như sự thừa nhận tại phiên tòa, anhPthỉnh thoảng phải đi công tác, sau ly hôn, anhPở một mình.

Xét việc giao con chung sau ly hôn cần đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của trẻ nhỏ; hiện cháu Hải Đ còn rất nhỏ, mới 39 tháng tuổi, cháu cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Đ, tránh xáo trộn không cần thiết, cần tiếp tục giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O và anhPthỏa thuận, anhPcấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng. Xét thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng cháu Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ: Ghi nhận chị O và anhPkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị O, anhPphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị PTTO và anh NAP.

2. Về con chung: Chị PTTO và anh NAP có 01 (Một) con chung là cháu NguyễnPHải Đ, sinh ngày 24/7/2018.

Giao cháu Đ cho chị PTTO trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NAP cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho chị PTTO.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Từ tháng 11 năm 2021 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh NAP có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Ghi nhận chị PTTO và anh NAP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí:

+ Chị PTTO phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm*

nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0015128 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Anh NAP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TANDTP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND phường La Khê, quận Hà Đông;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**